

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-PT
Ngày 12-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Số T, khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn K, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A (số cũ X), Đ, phường P, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông Đ và ông K là bạn bè với nhau khi nghe ông K nói có người quen làm ở chi cục thuế, do tin tưởng ông K nên ông Đ có nhờ ông K xem dùm thông tin thuế của thửa đất 398, tờ bản đồ 34 đứng tên Nguyễn Văn Đ và thửa đất 1459, tờ bản đồ số 17 đứng tên Bùi Ngọc H; đất tọa lạc ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Sau đó, ông Đ có đưa tiền cho ông K và nhờ ông K đóng tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất

đổi với thửa đất 398, tờ bản đồ 34 đứng tên Nguyễn Văn Đ và thửa đất 1459, tờ bản đồ số 17 đứng tên Bùi Ngọc H. Ông K đã giao cho ông Đ các khoản tiền sau:

+ Ngày 02/8/2020, ông Đ và ông K đã lập “Đơn nhận phí thù lao” với số tiền 120.000.000 đồng; phương thức thanh toán là đợt 01 vào ngày 02/8/2020, ông Đ giao ông K số tiền 40.000.000 đồng; đợt 02 ông Đ sẽ giao số tiền còn lại là 80.000.000 đồng sau khi bên A (ông K) giao tất cả hồ sơ đã hoàn thiện. Thực tế ông Đ đã giao cho ông K 40.000.000 đồng vào ngày 02/8/2020.

+ Ngày 11/9/2020, ông Đ giao thêm cho ông K số tiền 93.789.000 đồng, hai bên có viết xác nhận bằng giấy tay ở phía sau tờ “Đơn nhận phí thù lao” vào ngày 02/8/2020.

+ Ngày 21/9/2020, ông Đ giao thêm cho ông K số tiền 62.526.000 đồng, hai bên có viết xác nhận bằng chữ viết tay ở phía sau tờ “Đơn nhận phí thù lao” ngày 02/8/2020.

+ Ngày 17/9/2020, ông Đ và ông K đã lập “Đơn nhận phí thù lao” với số tiền 240.000.000 đồng; phương thức thanh toán là đợt 01 vào ngày 14/9/2020, ông Đ giao ông K số tiền 96.000.000 đồng; đợt 02 ông Đ sẽ giao số tiền còn lại là 144.000.000 đồng sau khi bên A (ông K) giao tất cả hồ sơ đã hoàn thiện. Thực tế ông Đ đã giao cho ông K 80.000.000 đồng vào ngày 17/9/2020, hai bên có viết xác nhận bằng chữ viết tay ở trang thứ 2 tờ “Đơn nhận phí thù lao” ngày 17/9/2020.

+ Ngày 30/9/2020, ông Đ giao thêm cho ông K số tiền 303.570.000 đồng, hai bên có viết xác nhận bằng chữ viết tay ở trang thứ nhất của tờ “Đơn nhận phí thù lao” vào ngày 17/9/2020.

+ Tháng 10 năm 2020, ông Đ và ông K đã lập “Đơn nhận phí thù lao” với số tiền là 75.000.000 đồng; phương thức thanh toán là đợt 01 vào tháng 10 năm 2020, ông Đ giao ông K số tiền 30.000.000 đồng; đợt 02 ông Đ sẽ giao số tiền còn lại là 45.000.000 đồng sau khi bên A (ông K) giao tất cả hồ sơ đã hoàn thiện. Thực tế ông Đ đã giao cho ông K số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Đ đã giao ông K là 40.000.000 đồng + 93.789.000 đồng + 62.526.000 đồng + 80.000.000 đồng + 303.570.000 đồng + 30.000.000 đồng = 609.885.000 đồng.

Số tiền 609.885.000 đồng là tiền của cá nhân ông Đ, không liên quan đến ông Bùi Ngọc H. Khi ông Đ nhờ ông K liên hệ với bên thứ ba để làm thủ tục đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất thì ông Đ có nói khi nào xong việc thì sẽ trả công cho ông K. Sau khi nhận tiền cho đến nay, ông K không bàn giao hồ sơ hoàn chỉnh việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư đối với thửa đất 398, tờ bản đồ 34 đứng tên Nguyễn Văn Đ và thửa đất 1459, tờ bản đồ số 17 đứng tên Bùi Ngọc H. Ông Đ nhiều lần liên hệ ông K để yêu cầu ông K trả lại số tiền đã nhận nhưng ông K không thực hiện. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu ông K trả lại số tiền đã nhận là 609.000.000 đồng (lấy số tròn).

Khi ông Đ nhờ ông K làm thủ tục đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất thì ông Đ đã đưa 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 398, tờ bản đồ 34 đứng tên Nguyễn Văn Đ và thửa đất 1459, tờ bản đồ số 17 đứng tên Bùi Ngọc H cho ông K, ông K đã đưa cho bên thứ ba là người tên Lữ Ngọc M. Khi ông K tố cáo đối tượng M tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương. Quá trình

làm việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ nhà người quen của đối tượng M và đã giao lại cho ông Đ, ông H. Do đó, ông Đ không yêu cầu giải quyết đối với bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao ông K.

- Bị đơn ông Phạm Văn K trình bày:

Ông K thừa nhận chữ ký, dấu lấn tay ở dưới mục người nhận tiền tại “Đơn nhận phí thù lao” vào ngày 02/8/2020, “Đơn nhận phí thù lao” vào ngày 17/9/2020, “Đơn nhận phí thù lao” vào tháng 10 năm 2020 là của ông K. Khi ông K ký tên vào các văn bản trên thì ông K đã đọc kỹ và ông K hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ông K thừa nhận đã nhận của ông Đ số tiền 609.885.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 02/8/2020, sau khi lập “Đơn nhận phí thù lao”, ông Đ đã giao cho ông K 40.000.000 đồng.

+ Ngày 11/9/2020, ông Đ giao thêm cho ông K số tiền 93.789.000 đồng, hai bên có viết xác nhận bằng giấy tay ở phía sau tờ “Đơn nhận phí thù lao” ngày 02/8/2020.

+ Ngày 21/9/2020, ông Đ giao thêm cho ông K số tiền 62.526.000 đồng, hai bên có viết xác nhận bằng chữ viết tay ở phía sau tờ “Đơn nhận phí thù lao” ngày 02/8/2020.

+ Ngày 17/9/2020, sau khi lập “Đơn nhận phí thù lao”, ông Đ đã giao cho ông K số tiền 80.000.000 đồng, hai bên có viết xác nhận bằng chữ viết tay ở trang thứ 2 tờ “Đơn nhận phí thù lao” ngày 17/9/2020.

+ Ngày 30/9/2020, ông Đ giao thêm cho ông K số tiền 303.570.000 đồng, hai bên có viết xác nhận bằng chữ viết tay ở trang thứ nhất của tờ “Đơn nhận phí thù lao” ngày 17/9/2020.

+ Tháng 10 năm 2020, sau khi lập “Đơn nhận phí thù lao”, ông Đ đã giao cho ông K số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Đ đã giao ông K là 40.000.000 đồng + 93.789.000 đồng + 62.526.000 đồng + 80.000.000 đồng + 303.570.000 đồng + 30.000.000 đồng = 609.885.000 đồng.

Mục đích giao tiền: Để ông K liên hệ với người tên Lữ Ngọc M để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất thổ cư đối với thửa đất 398, tờ bản đồ 34 đứng tên Nguyễn Văn Đ và thửa đất 1459, tờ bản đồ số 17 đứng tên Bùi Ngọc H; đất tọa lạc ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Sau khi ông K nhận tiền và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Đ thì ông K đã giao cho người tên Mai để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc ông K là trung gian giới thiệu để đối tượng Lữ Ngọc M làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất của ông Đ thì ông K không nhận tiền công từ ông Đ mà ông K và đối tượng Lữ Ngọc M có thỏa thuận với nhau sau khi đối tượng Lữ Ngọc M thực hiện xong công việc thì đối tượng M sẽ trả thù lao cho ông K. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền và bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông K thì đối tượng M đã bỏ trốn nên ông K đã tố cáo tại cơ quan công an và hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đang điều tra làm rõ hành vi của đối tượng Mai; các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ và ông Hà thì Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã thu giữ từ người quen của đối tượng M và đã giao trả cho ông Đ, ông K.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông K thừa nhận đã nhận của ông Đ số tiền 609.885.000 đồng, ông Đ yêu cầu ông K trả số tiền 609.000.000 đồng thì ông K chỉ đồng ý trả sau khi có kết quả điều tra đối với đối tượng Lữ Ngọc M, sau khi lấy được tiền từ đối tượng Lữ Ngọc M thì ông K mới trả tiền cho ông Đ.

- *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/11/2021 (có chứng thực chữ ký của ông Bùi Ngọc H), ông Bùi Ngọc H trình bày:*

Ông H có quen biết với ông Đ. Ông H là người sử dụng thửa đất số 1459, tờ bản đồ số 17 tại ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khi ông H nghe ông Đ nói ông Đ có người quen có thể làm thủ tục đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất thì ông H có đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1459, tờ bản đồ số 17 cho ông Đ và nhờ ông Đ lo hết mọi chi phí, thủ tục; khi nào xong công việc thì ông H sẽ gửi lại chi phí cho ông Đ. Ông H không biết ông Đ liên hệ với ai, trả phí bao nhiêu để đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho ông H. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2020, ông H được ông Đ thông báo bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương đang lưu giữ, do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương nhận được đơn tố giác tội phạm của ông K và đang điều tra. Sau đó, khi ông H được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương thông báo nhận sổ đất thì ông H đã đi nhận. Số tiền ông Đ đã đưa ông K là tiền của cá nhân ông Đ, không liên quan đến ông H nên ông H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không đưa ông H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn ông Phạm Văn K.

Buộc ông Phạm Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 609.000.000 đồng (sáu trăm lẻ chín triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/12/2021, bị đơn ông Phạm Văn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu cầu ông K trả lại số tiền 609.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn

ông K thừa nhận có nhận số tiền 609.885.000 đồng từ ông Đ và cho rằng sau khi nhận tiền từ ông Đ, ông K đã đưa hết cho người tên Lữ Ngọc M, hiện nay người tên M đã bỏ trốn nên khi nào nhận lại được tiền của người tên M thì ông K mới trả số tiền 609.000.000 đồng cho ông Đ. Xét thấy, ông K trực tiếp nhận tiền từ ông Đ, việc ông K giao tiền cho bà M không có sự đồng ý của ông Đ nên trách nhiệm trả lại tiền vẫn thuộc về ông K. Tuy nhiên, ông K vẫn có quyền khởi kiện bà M trong một vụ án khác. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng (phí phạt). Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện trên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông K trả lại số tiền đã nhận là 609.000.000 đồng. Chứng cứ ông Đ cung cấp là “Đơn nhận phí thù lao” ngày 02/8/2020, “Đơn nhận phí thù lao” ngày 17/9/2020, “Đơn nhận phí thù lao” tháng 10 năm 2020. Bị đơn ông K thừa nhận có ký vào chứng cứ trên và có nhận của nguyên đơn ông Đ số tiền 609.885.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông K chỉ đồng ý trả cho ông Đ số tiền 609.000.000 sau khi lấy được tiền từ bà Lữ Ngọc M. Xét thấy, ông Đ trực tiếp thỏa thuận với ông K, ông Đ giao ông K số tiền trên là để ông K giúp ông Đ làm thủ tục để đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất 398, tờ bản đồ 34 đứng tên Nguyễn Văn Đ và thửa đất 1459, tờ bản đồ số 17 đứng tên Bùi Ngọc H. Ông Đ không trực tiếp thỏa thuận với bà Mai cũng như không có một văn bản thỏa thuận ba bên giữa ông K, ông Đ và bà M. Ông K giao công việc lại cho bà M mà không có sự đồng ý của ông Đ là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 517 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, ông K nhận tiền từ ông Đ nhưng không thực hiện công việc theo thỏa thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K phải trả lại cho ông Đ số tiền đã nhận là phù hợp quy định tại Điều 520 của Bộ luật Dân sự.

[4] Theo kết quả xác minh ngày 10/5/2021 tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương thể hiện người tên Lữ Ngọc M đã bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được nơi sinh sống và làm việc. Do vậy, ông K có quyền khởi kiện yêu cầu người tên Lữ Ngọc M trả lại tiền bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ và ông H, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã thu thập được bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này từ nhà người quen của đối tượng M và đã giao trả cho ông Đ, ông H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là phù hợp.

[6] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn K.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn K phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000870 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết